

PHỤ LỤC

(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2020/TT-BGDĐT ngày 19 tháng 3 năm 2020
của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Mẫu số 03

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

LÝ LỊCH KHOA HỌC

(Dành cho ứng viên/thành viên các Hội đồng Giáo sư)



1. Thông tin chung

- Họ và tên: NGUYỄN MINH ĐỨC
- Năm sinh: 1955
- Giới tính: Nam
- Trình độ đào tạo (TS, TSKH) (năm, nơi cấp bằng):
1994: Viện Dược học, Trường Đại học Y khoa
Viện Đại học Hiroshima, Nhật bản

- Chức danh Giáo sư hoặc Phó giáo sư (năm, nơi bổ nhiệm):

+ Phó Giáo sư (2002), Đại học Y Dược TP. Hồ Chí Minh

+ Giáo sư (2006), Đại học Y Dược TP. Hồ Chí Minh

- Ngành, chuyên ngành khoa học:

Ngành: Dược Chuyên ngành: Dược liệu và Dược học Cổ truyền

- Chức vụ và đơn vị công tác hiện tại:

Trưởng Bộ môn Dược liệu – Thực vật Khoa Dược, Đại học Tôn Đức Thắng

Địa chỉ: 19 Nguyễn Hữu Thọ, Phường Tân Phong, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

- Chức vụ cao nhất đã qua: Trưởng Khoa Dược, Đại học Tôn Đức Thắng

- Thành viên Hội đồng Giáo sư cơ sở (nếu có) (năm tham gia, tên hội đồng, cơ sở đào tạo):

Từ 2008-2015 là thành viên Hội đồng GS cơ sở Trường ĐHY Dược

TP. HCM

- Thành viên Hội đồng Giáo sư ngành (nếu có) (năm tham gia, tên hội đồng, nhiệm kỳ):

Thành viên hội đồng Giáo sư ngành Dược các nhiệm kỳ: 2009-2014, 2014-2018,
2018-2019.

- Thành viên Hội đồng Giáo sư nhà nước (nếu có) (năm tham gia, tên hội đồng, nhiệm kỳ):

Không

2. Thành tích hoạt động đào tạo và nghiên cứu (thuộc chuyên ngành đang hoạt động)

2.1. Sách chuyên khảo, giáo trình

a) Tổng số sách đã chủ biên: 03 sách chuyên khảo; giáo trình.

b) Danh mục sách chuyên khảo, giáo trình trong 05 năm liền kề với thời điểm được bổ nhiệm thành viên Hội đồng gần đây nhất (*tên tác giả, tên sách, nhà xuất bản, năm xuất bản, mã số ISBN, chỉ số trích dẫn*).

2.2. Các bài báo khoa học được công bố trên các tạp chí khoa học

a) Tổng số đã công bố: 130 bài báo tạp chí trong nước; 33 bài báo tạp chí quốc tế.

b) Danh mục bài báo khoa học công bố trong 05 năm liền kề với thời điểm được bổ nhiệm thành viên Hội đồng gần đây nhất (*tên tác giả, tên công trình, tên tạp chí, năm công bố, chỉ số IF và chỉ số trích dẫn - nếu có*):

- Trong nước: 37 (Xem chi tiết trong danh mục bài báo trong nước phía dưới)

- Quốc tế: 11 (Xem chi tiết trong danh mục bài báo quốc tế phía dưới)

2.3. Các nhiệm vụ khoa học và công nghệ (chương trình và đề tài tương đương cấp Bộ trở lên)

a) Tổng số chương trình, đề tài đã chủ trì/chủ nhiệm: 03 cấp Nhà nước; 11 cấp Bộ và tương đương.

b) Danh mục đề tài tham gia đã được nghiệm thu trong 05 năm liền kề với thời điểm được bổ nhiệm thành viên Hội đồng gần đây nhất (*tên đề tài, mã số, thời gian thực hiện, cấp quản lý đề tài, trách nhiệm tham gia trong đề tài*):

<i>Tên đề tài/đề án, dự án, nhiệm vụ khác đã chủ trì và mã số</i>	<i>Thời gian thực hiện</i>	<i>Cấp quản lý</i>	<i>Trách nhiệm</i>
1) Nghiên cứu kiểm nghiệm chất lượng và đánh giá một số tác dụng sinh học của Sâm Ngọc Linh (<i>Panax vietnamensis</i> Ha et Grushv. – Araliaceae (Mã số KC 10.25/11-15)	2013-2015	Nhà nước thuộc chương trình KC10	Chủ nhiệm đề tài
2) Nghiên cứu quy trình công nghệ bào chế một số sản phẩm chất lượng cao từ Sâm Ngọc Linh (Mã số ĐTĐL.CN-09/16)	2016-2019	Nhà nước (Đề tài độc lập)	Chủ nhiệm đề tài
3) Nghiên cứu tác động bảo vệ thận in vitro và in vivo của Sâm Việt Nam và thành phần hoạt tính	2016-2019	Nhà nước (Đề tài Quỹ NAFOSTED)	Chủ nhiệm đề tài

4) Nghiên cứu viên nang mềm từ bài thuốc Ama Công phục vụ cộng đồng	2014-2016	Bộ Y tế	Chủ nhiệm đề tài
5) Nghiên cứu chiết xuất phân lập 20 hợp chất tinh khiết làm chất chuẩn trong kiểm nghiệm	2016-2018	Bộ Y tế	Chủ nhiệm đề tài
6) Nghiên cứu thành phần cấu tạo, tiêu chuẩn và tác dụng tiền lâm sàng Cao xương Cá sấu Hoa cà ứng dụng trong điều trị bệnh tạo xương bất toàn (<i>osteogenesis imperfecta</i>).	2013-2015	Sở KHCN TP. HCM)	Chủ nhiệm đề tài

2.4. Công trình khoa học khác (nếu có)

a) Tổng số công trình khoa học khác:

- Tổng số có: 01 sáng chế, giải pháp hữu ích
- Tổng số có: tác phẩm nghệ thuật
- Tổng số có: thành tích huấn luyện, thi đấu

b) Danh mục bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích, tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu trong 5 năm trở lại đây (*tên tác giả, tên công trình, số hiệu văn bằng, tên cơ quan cấp*):.

Bằng độc quyền giải pháp hữu ích số 2205.

Tên sáng chế: “*Quy trình định lượng các saponin chính trong Sâm Việt Nam*”.

Cấp theo quyết định số 102670/QĐ-SHTT ngày 18/11/2019.

2.5. Hướng dẫn nghiên cứu sinh (NCS) đã có quyết định cấp bằng tiến sĩ

a) Tổng số: 4 NCS đã hướng dẫn chính

b) Danh sách NCS hướng dẫn thành công trong 05 năm liền kề với thời điểm được bổ nhiệm thành viên Hội đồng gần đây nhất (*Họ và tên NCS, đề tài luận án, cơ sở đào tạo, năm bảo vệ thành công, vai trò hướng dẫn*).

TT	Họ tên NCS	Đề tài luận án	Cơ sở đào tạo	Năm bảo vệ	Vai trò hướng dẫn
1	Khưu thị Mỹ Lệ	Bào chế hệ tiểu phân nano artemisinin và đánh giá tác động diệt ký sinh trùng sốt rét trên chuột	ĐH Y Dược TP. HCM	2017	Hướng dẫn phụ
2	Lê Thị Hồng Vân	Nghiên cứu thành phần hóa học và tác dụng dược	ĐH Y Dược TP. HCM	2018	Hướng dẫn chính

		lý của Sâm Việt Nam chế biến			
3	Dương Hồng Tố Quyên	Nguồn cứu tiêu chuẩn hóa và đánh giá một số tác dụng sinh học của Sâm Việt Nam * <i>Panax vietnamensis</i> Ha et Grushv. - Araliaceae	ĐH Y Dược TP. HCM	2019	Hướng dẫn chính

3. Các thông tin khác

3.1. Danh mục các công trình khoa học chính trong cả quá trình (Bài báo khoa học, sách chuyên khảo, giáo trình, sáng chế, giải pháp hữu ích, tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu...; khi liệt kê công trình, có thể thêm chú dẫn về phân loại tạp chí, thông tin trích dẫn...):

Bài báo trong nước

1. Nguyễn Khắc Quỳnh Cứ, **Nguyễn Minh Đức** và Bùi Văn Cao, Góp phần nghiên cứu cây Ngũ gia bì chân chim (*Schefflera octophylla* (Lour.) Harms – Araliaceae, *Tạp chí Dược học*, Số đặc biệt, tr. 56- 59 (1992).
2. **Nguyễn Minh Đức** và Nguyễn Ngọc Khôi, Khảo sát các chế phẩm viên nang mềm chứa nhân sâm đang lưu hành trên thị trường, *Y học TP.HCM*, Số đặc biệt Hội nghị KH-KT Tuổi trẻ ĐH. Y-Dược lần thứ XV, trang 17 –24 (1997).
3. **Nguyễn Minh Đức**, Nguyễn Viết Tựu, Võ Văn Chín, Khảo sát so sánh Sâm Việt nam từ nguồn thiên nhiên và trồng trọt- Thông báo số 1, *Tạp chí Dược liệu*, Tập 3, số 1, trang 3 (1998).
4. **Nguyễn Minh Đức**, Nguyễn Viết Tựu, Nguyễn Thị Hồng Hoa, Võ Duy Huân, Kazuo Yamasaki và Ryoji Kasai, Khảo sát so sánh Sâm Việt nam từ nguồn thiên nhiên và trồng trọt- Thông báo số 2: Cấu trúc hóa học các saponin trong cây sâm trồng, *Tạp chí Dược liệu*, Tập 4, số 1, trang 7 (1999).
5. **Nguyễn Minh Đức**, Nguyễn Thới Nhâm và Đoàn Tố Tuyết Trinh, Thành phần hoá học của cây Tam thất trồng ở Việt nam, *Tạp chí Dược liệu*, Tập 4, số 3, trang 68 (1999).
6. **Nguyễn Minh Đức**, Võ Duy Huân, Kazuo Yamasaki, Nghiên cứu cấu trúc hóa học các saponin của Cỏ xước (*Achyranthes aspera* L.- Amaranthaceae). Thông báo số 1, *Tạp chí Dược liệu*, Tập 4, số 2, trang 47 (1999).
7. **Nguyễn Minh Đức**, Võ Duy Huân, Kazuo Yamasaki, Nghiên cứu cấu trúc hóa học các saponin của Cỏ xước (*Achyranthes aspera* L.- Amaranthaceae). Thông báo số 2, *Tạp chí Dược liệu*, Tập 4, số 3, trang 77 (1999).
8. Phạm Thanh Trang, **Nguyễn Minh Đức** và Vũ Khánh, Chiết tách và xác định cấu trúc allicin từ Tỏi (*Allium sativum* L.), *Tạp chí Dược liệu*, Tập 4, số 3, trang 80 (1999).

9. Phạm Thanh Trang, **Nguyễn Minh Đức**, Trần Quang Trí, Xây dựng phương pháp kiểm định các chế phẩm từ Tỏi (*Allium sativum*, L.) bằng sắc ký lỏng cao áp, *Y học TP.HCM*, Tập 4, số 1, trang 41 (2000).
10. Vũ Thế Đồng, Nguyễn Viết Tựu, **Nguyễn Minh Đức**, Võ thị Bạch Tuyết, Trần thị Vy Cầm, Kết quả bước đầu nghiên cứu về thực vật và thành phần hoá học cây cần sen rừng, *Tạp chí Dược liệu*, Tập 6, số 6, trang 166 (2001).
11. **Nguyễn Minh Đức**, Trần thị Vi Cầm, Nguyễn Minh Cang, Đặng Ngọc Phái, Nguyễn Như Chính, Lê Thế Trung, Tình hình trồng trọt phát triển cây sâm Việt nam và một số kết quả nghiên cứu về cây sâm trồng, *Y học TP.HCM*, Tập 6 (phụ bản), số 1, trang 12 (2002).
12. **Nguyễn Minh Đức**, Trần thị Vy Cầm, Khảo sát hóa học các chất có tác dụng sinh học từ hạt Mướp đắng (*Momordica charantia* L.), *Y học TP.HCM*, Tập 6 (phụ bản), số 1, trang 18 (2002).
13. Phạm văn Thu, Dương thị Thanh Liên, **Nguyễn Minh Đức**, Lê thị Thiên Hương, Nghiên cứu thành phần hóa học cây Ấc ó gai (*Randia horrida* (Lour.) Schutt.-Rutaceae), *Y học TP.HCM*, Tập 6 (phụ bản), số 1, trang 24 (2002).
14. Nguyễn Thới Nhâm, **Nguyễn Minh Đức**, Phạm Hùng Vân, Nguyễn Minh Phúc, Thành phần trenpen và tính kháng khuẩn của tinh dầu Tràmtra Úc (*Melaleuca alternifolia* Cheel.-Myrtaceae), *Y học TP.HCM*, Tập 6 (phụ bản), số 1, trang 33 (2002).
15. Nguyễn Thới Nhâm, **Nguyễn Minh Đức**, Phạm Hùng Vân, Lê thị Hồng Phượng, Thành phần terpen và tính kháng khuẩn của tinh dầu Chổi xuể (*Baeckea frutescen* L. - Myrtaceae), *Y học TP.HCM*, Tập 6 (phụ bản), số 1, trang 87 (2002).
16. Nguyễn Minh Cang, **Nguyễn Minh Đức**, Phạm thị Ánh Nguyệt, Xác định hàm lượng các saponin chính trong Sâm Việt nam (*Panax vietnamensis* Ha et Grushv.) và Sâm Mỹ (*Panax quinquefolium*) bằng phương pháp sắc ký lỏng hiệu năng cao (HPLC), *Y học TP.HCM*, Tập 6 (phụ bản), số 1, trang 97 (2002).
17. Ngô Thị Xuân Mai, **Nguyễn Minh Đức**, Lê Quan Nghiệm, Lê Thanh Thuý Lan, Nghiên cứu chế phẩm trà hoà tan Tam thất-Linh chi, *Y học TP.HCM*, Tập 6 (phụ bản), số 1, trang 118 (2002).
18. Trần Quang Trí, Phạm Thanh Trang, **Nguyễn Minh Đức**, Vũ Khánh, Nghiên cứu chế phẩm từ Tỏi còn giữ được hoạt chất allicin, *Y học TP.HCM*, Tập 6 (phụ bản), số 1, trang 124 (2002).
19. **Nguyễn Minh Đức**, Nguyễn Minh Cang, Nguyễn Ngọc Khôi, Phạm Vĩnh Quang (, Định tính và định lượng các ginsenosid trong các chế phẩm viên nang mềm chứa Nhân sâm trên thị trường thuốc Việt nam, *Y học TP.HCM*, Tập 6 (phụ bản), số 1, trang 130 2002.
20. Nguyễn Thới Nhâm, **Nguyễn Minh Đức**, Lê Thanh Yên, Định lượng antraquinon trong rễ nhàu bằng sắc ký lỏng cao áp, *Y học TP.HCM*, Tập 6, số 4 (phụ bản), trang 304 (2002).
21. **Nguyễn Minh Đức**, Trần Mạnh Hùng, Nguyễn Thị Hồng Yên, Nghiên cứu trà hòa tan an thần từ dược liệu, *Y học TP.HCM*, Tập 6, số 4 (phụ bản), trang 310 (2002).

22. **Nguyễn Minh Đức**, Nguyễn Minh Cang, Nguyễn thị Thuý Hằng, Khảo sát TPHH và cải tiến phương pháp kiểm nghiệm chế phẩm Tragutan, *Y học TP.HCM*, Tập 6, số 4 (phụ bản), trang 324 (2002).
23. Võ thị Bạch Tuyết, Trần thị Thanh Loan, **Nguyễn Minh Đức**, Võ văn Chi, Phân biệt và chống làm lẫn hoài sơn, *Y học TP.HCM*, Tập 6, số 4 (phụ bản), trang 356 (2002).
24. Vĩnh Định, **Nguyễn Minh Đức**, Nguyễn Viết Tựu, Isoflavan từ đơn lá đỏ (*Excoecaria cochichinensis* Lour.), *Tạp chí Dược liệu*, Tập 7, số 6, trang 6-7 (2002).
25. Vĩnh Định, **Nguyễn Minh Đức**, Nguyễn Viết Tựu, Flavanon từ đơn lá đỏ (*Excoecaria cochichinensis* Lour.), *Tạp chí Dược liệu*, Tập 7, số 6, trang 165-169 (2002).
26. Vĩnh Định, **Nguyễn Minh Đức**, Nguyễn Viết Tựu, Chalcon và retrochalcon từ đơn lá đỏ (*Excoecaria cochichinensis* Lour.), *Tạp chí Dược liệu*, Tập 7, số 6, trang 165-169 (2002).
27. Vĩnh Định, **Nguyễn Minh Đức**, Nguyễn Viết Tựu, Hợp chất phenolic từ đơn lá đỏ (*Excoecaria cochichinensis* Lour.), *Tạp chí Dược liệu*, Tập 8, số 1, trang 16-18 (2003).
28. Vĩnh Định, **Nguyễn Minh Đức**, Nguyễn Viết Tựu, Methyl flavan từ lá cây long mào (*Macaranga triloba*), *Tạp chí Dược học*, **325**, trang 16 (2003).
29. Vĩnh Định, **Nguyễn Minh Đức**, Nguyễn Viết Tựu, Diterpen 4 vòng từ lá cây long mào (*Macaranga triloba*), *Tạp chí Dược học*, **328**, trang 18 (2003).
30. **Nguyễn Minh Đức**, Nguyễn Minh Cang, Thái thị Trúc Ly, Nghiên cứu bào chế viên ngâm nhân sâm, *Y học TP.HCM*, Tập 7, phụ bản số 4, trang 7 (2003).
31. Nguyễn Thới Nhâm, Đặng văn Giáp, **Nguyễn Minh Đức**, Nguyễn thị Xuân Hương, Tối ưu hoá quy trình chiết xuất cao chiết dược liệu từ rễ nhàu bằng phần mềm inform 3.0, *Y học TP.HCM*, Tập 7, phụ bản số 4, trang 13 (2003).
32. **Nguyễn Minh Đức**, Trương Tường Linh, Hoàn thiện quy trình và đánh giá sơ bộ tác dụng lâm sàng trà hòa tan an thần, *Y học TP.HCM*, Tập 7, phụ bản số 4, trang 18 (2003).
33. Trương Công Trị, Trần thị Bích Hà, **Nguyễn Minh Đức**, Nguyễn Minh Cang, Nghiên cứu điều kiện tối ưu điều chế cao bình vôi phục vụ sản xuất công nghiệp, *Y học TP.HCM*, Tập 7, phụ bản số 4, trang 25 (2003).
34. Trần thị Bích Hà, Trương Công Trị, **Nguyễn Minh Đức**, Điều chế chất chuẩn phục vụ kiểm nghiệm thuốc và nghiên cứu dược liệu, *Y học TP.HCM*, Tập 7, phụ bản số 4, trang 32 (2003).
35. **Nguyễn Minh Đức**, Nguyễn thị Hồng Minh, Vũ Thế Đồng, Epi-lupol từ cây cây cần sen rừng, *Y học TP.HCM*, Tập 7, phụ bản số 4, trang 297 (2003).
36. Vĩnh Định, Hua-Ping Zhang, Guan-Hu Bao, Nguyễn Viết Tựu, **Nguyễn Minh Đức**, Guo-Wei Qin, Hợp chất C13-isoprenoid mới từ cây long mào (*Macaranga triloba* (Blume) Muell & Arg.-Euphorbiaceae, *Y học TP.HCM*, Tập 7, phụ bản số 4, trang 300 (2003).
37. Vĩnh Định, Hua-Ping Zhang, Guan-Hu Bao, Nguyễn Viết Tựu, **Nguyễn Minh Đức**, Guo-Wei Qin, Hợp chất geranyl flavanon mới từ cây long mào (*Macaranga triloba* (Blume) Muell & Arg.-Euphorbiaceae, *Y học TP.HCM*, Tập 7, phụ bản số 4, trang 304 (2003).

38. **Nguyễn Minh Đức**, Nguyễn thị Thu Hương, Hồ thị Yến Phương, Lâm Hoàng Thông, Tác dụng bảo vệ gan của công thức phối hợp các dược liệu diệp hạ châu-nhân trần tía-rau má-nghệ, *Tạp chí Dược liệu*, Tập 12, số 3+4, trang 115- 120 (2007).
39. Nguyễn Đức Hạnh, **Nguyễn Minh Đức**, Nguyễn Minh Cang, Nghiên cứu hợp chất polyphenol từ cây nhân trần tía (*Adenosma bracteosum* Bonati- Scrophulariaceae), *Tạp chí Dược liệu*, Tập 13, Số 1, trang 5-12 (2008).
40. Nguyễn Thới Nhâm, **Nguyễn Minh Đức**, Nguyễn thị Thu Hương, Trần thị Mỹ Tiên, Phan thị Xuân Bình, Tác dụng kiểu nội tiết tố sinh dục nam của trà hoà tan ngũ vị tử-nhân sâm, *Tạp chí Dược liệu*, Tập 13, Số 1, trang 45-48 (2008).
41. **Nguyễn Minh Đức**, Nguyễn thị Thu Hương, Đào thị Ánh Hiền, Lê Thanh Sử, Tác dụng bảo vệ gan của chế phẩm Centhionin, *Tạp chí Dược liệu*, Tập 13, Số 2, trang 88-93 (2008).
42. **Nguyễn Minh Đức**, Nguyễn thị Thu Hương, Trần Mỹ Tiên, Lương Kim Bích, Lê Thanh Sử, Tác dụng chống viêm của chế phẩm Cenditan, *Tạp chí Dược liệu*, Tập 13, Số 3, trang 128-133 (2008).
43. Nguyễn Thị Thu Hương, **Nguyễn Minh Đức**, Ngô thị Xuân Mai, Nguyễn Đoàn Hồng Loan, Tác dụng của trà hoà tan tam thất – linh chi trên thực nghiệm gây suy giảm miễn dịch, *Tạp chí Dược liệu*, Tập 13, Số 3, trang 134-139 (2008).
44. Lê thị Hồng Vân, **Nguyễn Minh Đức**, Nghiên cứu thành phần hóa học sâm đại hành (*Bulbus Eleutherinis subaphyllae*), *Y học TP. Hồ Chí Minh*, Tập 12, Phụ bản số 1, trang 49-56 (2008).
45. Nguyen Ngoc Khoi, Dao Xuan Son, **Nguyen Minh Duc**, Majonoside-R2 modulates anxiety- and depression-like behaviours in mice, *Tạp chí Dược liệu*, Tập 13, số 5, trang 240-244 (2008).
46. Nguyen Ngoc Khoi, Nguyen Duc Hanh, Nguyen Hai Dang, **Nguyen Minh Duc**, Anti-obesity effects of two herbal recipes in mice, *Tạp chí Dược liệu*, Tập 13, số 6/2008, trang 280-291 (2008).
47. **Nguyễn Minh Duc**, Nguyen Ngoc Khoi, Le thi Thuy Hang, Do van Dung, Ho Viet Sang, Amacong's remedy, a folk Vietnamese herbal formula, increases endurance swimming capacity of mice, *Tạp chí Dược liệu*, Tập 13, số 6/2008, trang 292-296 (2008).
48. Trịnh văn Đua, **Nguyễn Minh Đức**, Chiết xuất, phân lập diosgenin từ mía dò (*Costus speciosus* Smith., Costaceae) để làm chất đối chiếu, *Y học TP. HCM*, Tập 13, phụ bản số 1, trang 92-95 (2009).
49. **Nguyễn Minh Đức**, Nguyễn Như Chính, Nguyễn Hữu Đồng, Đặng Ngọc Phái, Nguyễn Minh Cang, Nguyễn Đức Hạnh, Lê thị Hồng Vân, Đánh giá chất lượng sâm Việt nam di thực, *Y học TP. HCM*, Tập 13, phụ bản số 1, 2009, trang 96-102 (2009).
50. Nguyễn Đức Hạnh, **Nguyễn Minh Đức**, Đặng văn Giáp, Xây dựng quy trình chiết xuất cao khô diệp hạ châu (*Phyllanthus amarus* Schum. et Thonn.), *Y học TP. HCM*, Tập 13, phụ bản số 1, 2009, trang 263-268 (2009).
51. Lê thị Hồng Vân, Nguyễn Ngọc Khôi, **Nguyễn Minh Đức**, Nghiên cứu độc tính cấp và bán trường diễn trà hòa tan tam thất-linh chi, *Y học TP. HCM*, Tập 13, phụ bản số 1, 2009, trang 96-102 (2009).

52. Nguyễn Ngọc Khôi, Nguyễn Việt Hà, **Nguyễn Minh Đức**, Effects of Ama Kong's remedy on growth of accessory sexual organs and plasma testosterone levels in mice, *Tạp chí Dược liệu*, Tập 14, số 1, 2009, trang 52-56 (2009).
53. Nguyễn thị Thu Hương, Trần Mỹ Tiên, Trần Công Luận, **Nguyễn Minh Đức**, Androgenic Effects of Ama Kong's Remedy on Castrated Mice, *Tạp chí Dược liệu*, Tập 14, số 2, 2009.
54. Nguyễn Ngọc Khôi, Lê thị Thu Hà, **Nguyễn Minh Đức**, Subchronic toxicity and anti-obesity effects of a formula from green tea and lotus leaves, *Tạp chí Dược liệu*, Tập 14, số 4, tr 229-234 (2009).
55. Nguyễn Ngọc Khôi, Lê thị Hồng Vân, **Nguyễn Minh Đức**, The effect of steaming saponin components and endurance swimming capacity of Vietnamese ginseng, *Panax vietnamensis* Ha et Grushv., *Tạp chí Dược liệu*, Tập 14, số 5, tr 288-292 (2009).
56. Bùi Xuân Hào, **Nguyễn Minh Đức**, Trần Lê Quan, Thành phần hóa học cao etyl axetat của lõi gỗ cây Tô mộc *Caesalpinia sappan* L., *Tạp chí Hóa học*, Tập 47 (4A), tr 343-346 (2009).
57. Bùi Xuân Hào, Nguyễn thị Hồng Yến, **Nguyễn Minh Đức**, Trần Lê Quan, Thành phần hóa học của rễ cây Hà thủ ô trắng, *Tạp chí phát triển khoa học & công nghệ*, Tập 12, số 10, tr 72-77 (2009).
58. Nguyễn Thụy Hai, **Nguyễn Minh Đức**, Ứng dụng sắc ký hiệu năng cao trong điều chế chất chuẩn asiaticosid, *Y học TP. Hồ Chí Minh*, Tập 14, Phụ bản của Số 1, tr 59-63 (2010).
59. Nguyễn Đức Hạnh, **Nguyễn Minh Đức**, Đặng Văn Giáp, Xây dựng quy trình chiết xuất cao nghệ *Curcuma longa* L., *Y học TP. Hồ Chí Minh*, Tập 14, Phụ bản của Số 1, tr 140-144 (2010).
60. Lê Thị Hồng Vân, Nguyễn Ngọc Khôi, **Nguyễn Minh Đức**, Nghiên cứu ảnh hưởng của quá trình chế biến lên sự thay đổi thành phần hóa học saponin và tác dụng tăng lực của Sâm Việt nam, *Y học TP. Hồ Chí Minh*, Tập 14, Phụ bản của Số 1, tr 145-150 (2010).
61. Trần thị Cúc, **Nguyễn Minh Đức**, Đặng văn Giáp, Xây dựng quy trình chiết xuất cao quả Nhàu, *Tạp chí Dược liệu*, Tập 15, Số 2, 2010, tr. 85-89 (2010).
62. Nguyen Duc Hanh, Nguyen Minh Cang, **Nguyen Minh Duc**, HPLCQuantitative Determination of Majonoside-R2 in Vietnamese Ginseng, *Tạp chí Dược liệu*, Tập 15, Số 4, tr. 219-222 (2010).
63. Nguyễn thị Lệ Thu, **Nguyễn Minh Đức**, Nguyễn Diệu Liên Hoa, Therexanthon, một xanthon mới từ trái cây Còng mù u (*Callophyllum thorelii*), *Tạp chí hóa học*, 48 (4B), tr. 360-364 (2010).
64. Nguyễn thị Lệ Thu, **Nguyễn Minh Đức**, Nguyễn Diệu Liên Hoa, hân lập và nhận danh hợp chất phenol vỏ cây Còng mù u (*Callophyllum thorelii*)", *Tạp chí phân tích Hóa, Lý và Sinh học*, 5 (3), tr. 26-31 (2010).
65. Nguyễn thị Lệ Thu, **Nguyễn Minh Đức**, Nguyễn Diệu Liên Hoa, Hợp chất phenol từ cao ethyl acetat của trái cây còng mù u (*Calophyllum thorelii*), *Tạp chí Dược liệu*, Tập 15, Số 4, tr. 234-237 (2010).

66. Bùi Xuân Hào, **Nguyễn Minh Đức**, Trần Lê Quan, Thành phần hóa học cao etyl acetat của lõi gỗ cây tô mộc (*Caesalpinia sappan* L.), *Tạp chí Hóa học*, T.48 (4B), 441-445 (2010).
67. Bùi Xuân Hào, **Nguyễn Minh Đức**, Trần Lê Quan, Thành phần hóa học của rễ cây hà thủ ô trắng (*Streptocaulon juvenas* Merr.), *Tạp chí Hóa học*, T.49 (2ABC), 267-271 (2011).
68. Bùi Xuân Hào, **Nguyễn Minh Đức**, Trần Lê Quan, Thành phần hóa học của rễ cây hà thủ ô trắng. *Tạp chí Phát triển KH&CN*, Vol 14, No.T2, 28-35 (2011).
69. Le Thi Hong Van, Nguyen Ngoc Khoi, **Nguyen Minh Duc**, Isolation of ginsenosid-Rh₁ in higher yield from processed Vietnamese ginseng, *Tạp chí Dược liệu*, Tập 16, số 3, trang 187-193 (2011).
70. Le Thi Hong Van, Nguyen Ngoc Khoi, **Nguyen Minh Duc** Isolation of ginsenoside-Rh₁ in higher yield from processed Vietnamese ginseng, *Tạp chí Dược liệu*, tập 16, số 3/2011, 187-193 (2011).
71. Nguyễn thị Linh Tuyền, Đặng văn Giáp, **Nguyễn Minh Đức**, Nghiên cứu tối ưu hóa quy trình chiết xuất cao Diếp cá (*Houttuynia cordata* Thunb.), *Y học TP. Hồ Chí Minh*, Tập 15, Phụ bản số 1, tr 551-554 (2011).
72. Nguyễn thị Linh Tuyền, Đặng văn Giáp, **Nguyễn Minh Đức**, Nguyễn thị Linh Tuyền, Đặng văn Giáp, **Nguyễn Minh Đức**, *Y học TP. Hồ Chí Minh*, Tập 15, Phụ bản số 1, tr. 555-559 (2011).
73. Trương Công Trị, Khuru Mỹ Lê, **Nguyễn Minh Đức**, Nghiên cứu bào chế hệ tiểu phân nano của rutin, *Y học TP. Hồ Chí Minh*, Tập 15, Phụ bản số 1, tr. 551-554 (2011).
74. Nguyễn Hà Mỹ Thùy, **Nguyễn Minh Đức**, Xây dựng quy trình định lượng đồng thời hesperidin và diosmin trong viên nén bao phim Diosflon, *Y học TP. Hồ Chí Minh*, Tập 15, Phụ bản số 1, tr. 570-573 (2011).
75. Hoàng Hải Anh, Nguyễn Minh Cang, **Nguyễn Minh Đức**, Xây dựng cơ sở dữ liệu để phân biệt các loại sâm bằng sắc ký lớp mỏng và sắc ký lỏng hiệu năng cao, *Y học TP. Hồ Chí Minh*, Tập 15, Phụ bản số 1, tr. 574-578 (2011).
76. Hoàng Hải Anh, Nguyễn Minh Cang, **Nguyễn Minh Đức**, Phân tích thành phần saponin chính trong Sâm Việt nam nuôi cấy mô bằng phương pháp sắc ký lỏng hiệu năng cao, *Y học TP. Hồ Chí Minh*, Tập 15, Phụ bản số 1, tr. 579-584 (2011).
77. Phù Nguyên Vũ, Trần Mạnh Hùng, **Nguyễn Minh Đức**, Khảo sát tác dụng kháng viêm và điều hòa lipid huyết của bài thuốc Ama Công, *Y học TP. Hồ Chí Minh*, Tập 15, Phụ bản số 1, tr. 585-592 (2011).
78. Nguyễn thị Phương Thảo, Võ thị Bạch Tuyết, **Nguyễn Minh Đức**, Xây dựng phương pháp định lượng acid oleanolic trong Đinh lăng lá xẻ [*Polysias fruticosa* (L.) Harms.] bằng sắc ký lỏng hiệu năng cao, *Y học TP. Hồ Chí Minh*, Tập 15, Phụ bản số 1, tr. 593-597 (2011).
79. Dương HồngTổ Quyên, **Nguyễn Minh Đức**, Điều chế chất đối chiếu damnacanthal và nor-damnacanthal từ Rễ Nhàu (*Radix Morindae citrifoliae*) phục vụ công tác nghiên cứu và kiểm nghiệm, *Y học TP. Hồ Chí Minh*, Tập 16, Phụ bản số 1, tr. 230-234 (2012).

80. Le Thi Hong Van, Nguyen Thi Minh Thao, Nguyen Duc Tuan, Nguyen Ngoc Khoi, **Nguyen Minh Duc**, Simultaneous quantitative analysis of major saponins in Vietnamese Ginseng by HPLC, *Tạp chí Dược liệu*, Tập 17, Số 1, tr. 42-47 (2012).
81. Vu Huynh Kim Long, Nguyen Ming Cang, **Nguyen Minh Duc**, Image data for identification of *Panax* crude drugs, *Tạp chí Dược liệu*, Tập 17, Số 5, tr. 263-268 (2012).
82. Le thi Hong Van, Le Tuan Anh, Nguyen Ngoc Khoi, **Nguyen Minh Duc**, Ginsenoside-Rk₃ and ginsenoside-Rh₄ from processed Vietnamese ginseng, *Tạp chí Dược liệu*, Tập 17, Số 5, tr. 292-298 (2012).
83. **Nguyễn Minh Đức**, Huỳnh thị Ngọc Ngân, Trương Vũ Hoài Thu, Thiết lập chất chuẩn curcumin I từ cao Nghệ đủ điều kiện đăng ký chuẩn quốc gia, *Tạp chí Dược liệu*, Tập 17, Số 5, tr. 313-317 (2013).
84. Huỳnh thị Ngọc Ngân, Trương Vũ Hoài Thu, Hà Diệu Ly, Dương Hồng Tố Quyên, **Nguyễn Minh Đức**, Thiết lập chất chuẩn ginsenosid-Rb₁ và ginsenosid-Rg₁, *Tạp chí Dược liệu*, Tập 18, Số 4, tr. 258-266 (2013).
85. Lê Nguyễn Hạ Vi, Nguyễn Ngọc Khôi, **Nguyễn Minh Đức**, Nghiên cứu tính an toàn và tác dụng chống bào phì của viên bao phim Camelot, *Tạp chí Dược học*, Số 444, 4-2013, tr 8-13 (2013).
86. Lê thị Hồng Vân, Lê thị Mai Sương, Nguyễn Ngọc Khôi, Nguyễn Đức Tuấn, Dương Hồng Tố Quyên, Hà Diệu Ly, **Nguyễn Minh Đức**, Phân lập và thiết lập chất chuẩn majonosid-R2 từ Sâm Việt nam (*Panax vietnamensis* Ha et Grushv.), *Tạp chí Dược học*, Số 448, 8-2013, tr 14-20 (2013).
87. Bui Thi Chau Phuong, Pham Quynh Khoa, Nguyen Minh Cang, **Nguyen Minh Duc**, Preparation of Reference Standards of Glycyrrhizic Acid and Glycyrrhetic Acid , *Journal of Medicinal Materials*, Tập 18, Số 5, 2013, tr. 322-330 (2013).
88. Le Quoc Viet, Vu Huynh Kim Long, Nguyen Minh Cang, **Nguyen Minh Duc**, Application of Solid Phase Extraction in Quantitative Determination of Major Saponins in *Panax vietnamensis*, *Journal of Medicinal Materials*, Tập 18, Số 5, 2013, tr. 330-337 (2014).
89. Khuru Mỹ Lê, Trương Công Trị, Nguyễn Minh Cang, Hoàng Minh Châu, **Nguyễn Minh Đức**, Khảo sát thành phần công thức và thông số điều chế hệ phân tán nano artemisinin bằng phương pháp đông hóa dưới áp suất cao, *Y học TP. Hồ Chí Minh*, Phụ bản của Tập 18, Số 2, 2014, tr. 295-302 (2014).
90. Phạm Quỳnh Khoa, Nguyễn Minh Cang, **Nguyễn Minh Đức**, Thiết lập chất chuẩn diosgenin, *Y học TP. Hồ Chí Minh*, Phụ bản của Tập 18, Số 2, 2014, tr. 303-309 (2014).
91. Trần Thị Thu Uyên, Hà Diệu Ly, Lê Thị Hồng Vân, Dương Hồng Tố Quyên, **Nguyễn Minh Đức**, Điều chế và thiết lập chất chuẩn notoginsenosid-R1 từ Sâm Việt Nam (*Panax vietnamensis* Ha et Grushv), *Tạp chí Dược liệu*, Tập 19, số 6/2014, tr. 352- 358 (2014).
92. Dương Hồng Tố Quyên, Nguyễn Thị Minh Tâm, Lê Quốc Việt, Huỳnh Trần Quốc Dũng, Lê Thị Hồng Vân, **Nguyễn Minh Đức**, Phân lập một số vinaginsenosid để phục vụ công tác tiêu chuẩn hóa và kiểm nghiệm Sâm Việt Nam, *Tạp chí Kiểm nghiệm Thuốc*, Số 3A.2014, tr. 134-139 (2014).

93. Nguyễn Thị Thanh Lai, Nguyễn Thị Thu Hương, Trần Văn Năm, **Nguyễn Minh Đức**, Khảo sát tính an toàn và tác dụng bảo vệ gan của Cao xương Cá sấu Hoa cà, *Tạp chí Dược liệu*, Tập 19, số 6/2014 (2014).
94. Trần Thị Minh Tâm, Nguyễn Thị Thu Hương, **Nguyễn Minh Đức**, Nghiên cứu tác dụng tăng cường miễn dịch của cao xương Cá sấu Hoa cà, *Tạp chí Dược liệu*, Tập 20, số 2/2015, tr. 121- 126 (2015).
95. Dương Hồng Tô Quyên, Nguyễn Thị Thu Hương, **Nguyễn Minh Đức**, Nghiên cứu tác dụng bảo vệ gan của saponin toàn phần từ Sâm Việt Nam trồng trên thực nghiệm gây tổn thương gan bằng carbon tetraclohid trên chuột nhắt trắng, *Y học TP. Hồ Chí Minh*, Tập 19, Phụ bản số 3, tr. 143-148 (2015).
96. Dương Hồng Tô Quyên, Nguyễn Thị Thu Hương, Vũ Huỳnh Kim Long, **Nguyễn Minh Đức**, Nghiên cứu hoạt tính chống oxy hóa của saponin toàn phần từ Sâm Việt Nam trồng, *Y học TP. Hồ Chí Minh*, Tập 19, Phụ bản số 3, tr. 157-164 (2015).
97. Dương Hồng Tô Quyên, Nguyễn Thị Thu Hương, Lê Huỳnh Thi, **Nguyễn Minh Đức**, Nghiên cứu tác dụng giải lo âu và chống trầm cảm của cao chiết từ Sâm Việt Nam trồng trên chuột bị stress cô lập, *Tạp chí Dược liệu*, Tập 20, số 6, tr. 378-383 (2015).
98. Dương Hong To Quyen, Nguyễn Thái Minh Trúc, Nguyễn Thị Thu Hương, **Nguyễn Minh Đức**, Effects of cultivated Vietnamese ginseng on endurance capacity in micem *Journal of Medicinal Materials*, Vol. 20, No. 3, pp. 181-186 (2015).
99. Võ Hồng Tiến, Trần Mạnh Hùng, **Nguyễn Minh Đức**, Khảo sát tính kháng viêm và giảm đau của Cao xương Cá sấu Hoa cà, *Y học TP. Hồ Chí Minh*, Tập 19, Phụ bản của số 3/2015, trang 723-728 (2015).
100. Nguyễn Thị Xuân Phương, Dương Thị Như Ngọc, Nguyễn Đức Hạnh, **Nguyễn Minh Đức**, Nghiên cứu tiêu chuẩn hóa viên nang mềm Ama Công, *Y học TP. Hồ Chí Minh*, Tập 19, Phụ bản của số 3/2015, trang 716-722 (2015).
101. Le Thi Hong Van, Nguyen Thanh Dat, Nguyen Ngoc Khoi, Jeong Hill Park, **Nguyễn Minh Đức**, Ginsenoside-Rk₁ and ginsenoside-Rg₅ isolated from processed Vietnamese ginseng, *Journal of Medicinal Materials*, Tập 20, số 3, tr 149-155 (2015).
102. Le Thi Hong Van, Nguyen Thi Minh Tam, Bui Xuan Huong, Nguyen Ngoc Khoi, Jeong Hill Park, **Nguyễn Minh Đức**, Isolation of Ginsenoside Isomers from Processed Vietnamese Ginseng by Preparative HPLC. *Journal of Medicinal Materials*, Tập 6, số 3, 2015, tr. 272-278 (2015).
103. Lê Đình Nguyên, Nguyễn Đức Hạnh, Lê Thị Hồng Vân, **Nguyễn Minh Đức**, Xây dựng và thẩm định phương pháp HPLC định lượng mangiferin trong lá dó bầu (*Aquilaria crassna*), *Y học TP. Hồ Chí Minh*, Tập 19, Phụ bản của số 3/2015, trang 711-715 (2015).
104. Trương Công Trị, Nguyễn Trần Việt Phú, Đỗ Minh Quang, Lê Quan Nghiệm, **Nguyễn Minh Đức**, Nguyễn Quang Trị, Nguyễn Thị Lan Chi, Dương Chí Toàn, Điều chế giá mang nanoliposome bằng phương pháp hydrat hóa lớp màng phim lipid kết hợp với phân tác sỏi bột, *Y học TP. Hồ Chí Minh*, Tập 19, Phụ bản của số 3/2015, tr.247-252 (2015).
105. Khuru Mỹ Lệ, Trương Công Trị, Nguyễn Minh Cang, Hoàng Minh Châu, **Nguyễn Minh Đức**, Khảo sát độ tan và đánh giá sự tương tác của artemisinin với một số tá dược ứng dụng

điều chế tiểu phân nano, *Y học TP. Hồ Chí Minh*, Tập 19, Phụ bản của số 3/2015, tr. 729-736 (2015).

106. Huynh Thi Thuy Trang, Bui Thi Huong Quynh, Nguyen Thi Bay, **Nguyễn Minh Đức**, Safety and Tolerability of Ama Kong capsules: A phase I trial, *Journal of Medicinal Materials (Tạp chí Dược liệu)*, Vol 20(5), pp 272-278 (2015).

107. Nguyễn Ngọc Trâm, Dương thị Thúy Nga, Nguyễn Hoàng Vy, Trần Thanh Trúc, Huỳnh Trần Quốc Dũng, **Nguyễn Minh Đức**, Thiết lập chất chuẩn 6-hydroxypowellin phân lập từ cây Trinh nữ Crila (*Crinum latifolium* L. var. *crilae* Tram et Khanh), *Tạp Chí Dược học*, 2/2016, trang 31-33, 39 (2016).

108. Nguyễn thị Thu Hương, Chung Thị Mỹ Duyên, Dương Hồng Tố Quyên, **Nguyễn Minh Đức**, Khảo sát tác dụng của cao sâm Việt Nam trồng trên một số chức năng miễn dịch ở động vật bị gây stress cô lập, *Tạp chí Dược liệu*, Tập 21, số 1+2 (2016), trang 60-65 (2016).

109. Trần Minh Thông, Nguyễn thị Thu Hương, Hà Quang Thanh, **Nguyễn Minh Đức**, Khảo sát mô học tác dụng của cao xương Cá sấu Hoa cà trên chuột nhắt trắng bị gây loãng xương bằng corticoid, *Tạp chí Dược liệu*, Tập 21, số 1+2 (2016), trang 79-84 (2016).

110. Nguyễn thị Thu Hương, Hà Quang Thanh, Trần Thị Thùy An, **Nguyễn Minh Đức**, Khảo sát tác dụng của cao xương Cá sấu Hoa cà trên mô hình gây loãng xương chuột bằng corticoid, *Tạp chí Dược liệu*, Tập 21, số 1+2 (2016), trang 99-106 (2016).

111. Nguyễn Thị Ngọc Trâm, Dương Thị Thúy Nga, Nguyễn Hoàng Vy, Trần Thảo Trúc, Huỳnh Trần Quốc Dũng, **Nguyễn Minh Đức**, Phân lập và xác định cấu trúc hóa học của các alkaloid từ cây Trinh nữ Crila (*Crinum latifolium* L. var. *Crilae* Tram & Khanh, var. N.), *Tạp chí dược học* 04/2016, 65-70 (2016).

112. Khuru Mỹ Lệ, Trịnh Ngọc Hải, Trương Công Trị, Lê Khánh Đồng. Hoàng Minh Châu, **Nguyễn Minh Đức**, Đánh giá tác dụng của hệ tiểu phân nano artemisinin trên chuột nhiễm *Plasmodium bergei*, *Tạp chí dược liệu*, Tập 21, số 6, tr. 412-416 (2016).

113. Nguyễn Thị Thu Thủy, Nguyễn Đức Hạnh, Lê Thị Hồng Vân, **Nguyễn Minh Đức**, Xây dựng và thẩm định phương pháp HPLC định lượng mangiferin trong bột sấy phun lá Dó bầu, *Y học TP. Hồ Chí Minh*, Tập 20 (2), pp 359-364 (2016).

114. Khuru Mỹ Lệ, Trương Công Trị, Hoàng Minh Châu, **Nguyễn Minh Đức**, Khảo sát sự ảnh hưởng của áp suất và chu kỳ đồng nhất hóa lên kích thước tiểu phân nano artemisinin điều chế bằng phương pháp đồng nhất hóa áp suất cao, *Y học TP. Hồ Chí Minh*, Tập 21 (1), pp 368-373 (2017).

115. Khuru Mỹ Lệ, Trương Công Trị, Hoàng Minh Châu, **Nguyễn Minh Đức**, Nghiên cứu bào chế hệ tiểu phân nano lipid chứa artemisinin cỡ lô 1.000 g bằng phương pháp đồng nhất hóa áp suất cao, *Y học TP. Hồ Chí Minh*, Tập 21 (1), pp 374-380 (2017).

116. Ngô Thị Mỹ Duyên, Huỳnh Trần Quốc Dũng, Bùi Thị Châu Phương, Phạm Quỳnh Khoa, Nguyễn Minh Cang, **Nguyễn Minh Đức**, Phân lập và thiết lập chất chuẩn acid glycyrrhizic từ rễ cam thảo (*Radix Glycyrrhizae*), *Y học TP. Hồ Chí Minh*, Tập 21 (1), pp 408 – 414 (2017).

117. Đặng Thị Cẩm Hiền, Huỳnh Trần Quốc Dũng, Nguyễn Thế Hùng, Nguyễn Minh Cang, **Nguyễn Minh Đức**, Định lượng đồng thời geniposid, gardenosid trong quả dành dành

(*Fructus Gardeniae*) bằng phương pháp HPLC – UV, *Y học TP. Hồ Chí Minh*, Tập 21 (1), pp 382 – 388 (2017).

118. Đặng Thị Cẩm Hiền, Huỳnh Trần Quốc Dũng, Nguyễn Thế Hùng, Nguyễn Minh Cang, **Nguyễn Minh Đức**, Phân lập geniposid, gardenosid trong quả dành dành (*Fructus Gardeniae*), thiết lập chuẩn geniposid, *Y học TP. Hồ Chí Minh*, Tập 21 (1), pp 388 – 396 (2017).

119. Nguyễn Văn Hoàng, Huỳnh Trần Quốc Dũng, Võ Thanh Hoá, Ngô Thị Xuân Mai, Phạm Thái Trọng Nhân, Nguyễn Minh Cang, **Nguyễn Minh Đức**, Phân lập và thiết lập chất chuẩn epimedin C từ dược liệu dâm dương hoắc (*Herba Epimedii*), *Y học TP. Hồ Chí Minh*, Tập 21 (1), pp 396 – 402 (2017).

120. Huỳnh Tân Đá, Nguyễn Đức Hạnh, **Nguyễn Minh Đức**, Nguyễn Thị Phương Dung, Xây dựng quy trình định lượng đồng thời phyllanthin và senensetin trong viên nang Râu mèo – Diệp hạ châu bằng phương pháp HPLC, *Y học TP. Hồ Chí Minh*, Tập 21 (1), pp 360 – 367 (2017).

121/ Dương Hồng Tố Quyên, Nguyễn Thị Thu Hương, **Nguyễn Minh Đức**, Khảo sát tác dụng của các bột chiết từ Sâm Việt Nam trồng trên sự rút ngắn giấc ngủ pentobarbital gây bởi stress cô lập, *Tạp chí Dược liệu*, 2 (22) tr. 109-113 (2017).

122. Dương Hong To Quyên, Nguyen Thi Thu Hương, Nguyen Thuy Viet Phuong, **Nguyen Minh Duc**, Hepatoprotective activity of cultivated Vietnamese ginseng on oxidative stress-induced liver injury in mice, *Journal of Medicinal Materials*, Vol. 22, No. 3, pp 183-189 (2017).

123. Nguyễn Ngọc Thạch, Nguyễn Đức Hạnh, Huỳnh Trần Quốc Dũng, **Nguyễn Minh Đức**, Xây dựng và thẩm định quy trình định lượng đồng thời epimedin C và icariin trong cao Dâm dương hoắc, *Tạp chí Dược học*, 58(507), tr. 54-58 (2018).

124. Nguyễn Thị Thu Thủy, Huỳnh Trần Quốc Dũng, Nguyễn Đức Hạnh, **Nguyễn Minh Đức**, Xây dựng và thẩm định phương pháp HPLC định lượng sinensetin trong cao khô sấy phun Râu mèo, *Y học TP. Hồ Chí Minh*, Phụ bản 22(5), tr. 123 – 128 (2018).

125. Huỳnh Thị Thanh Tâm, Huỳnh Trần Quốc Dũng, Nguyễn Ngọc Thạch, Nguyễn Đức Hạnh, Hồ Việt Sang, **Nguyễn Minh Đức**, Phân lập một số hợp chất từ dược liệu Cỏ mực và Mật nhân có trong bài thuốc cai nghiện rượu của lương y Lê Văn Năm, *Y học TP. Hồ Chí Minh*, Phụ bản Tập 22, Số 1, tr. 293 – 297 (2018).

126. Nguyễn Thị Tú Nhi, Nguyễn Trường Huy, Huỳnh Trần Quốc Dũng, Vũ Huỳnh Kim Long, Nguyễn Minh Cang, Vũ Huy Dũng, **Nguyễn Minh Đức**, “Xây dựng phương pháp định lượng đồng thời các saponin chính trong Sâm Việt Nam bằng HPLC-CAD”, *Tạp chí Dược liệu*, Tập 23, Số 6, tr. 345-350 (2018) .

127. Bùi Hồng Ngọc Vân Anh, Nguyễn Trường Huy, Huỳnh Trần Quốc Dũng, Vũ Huỳnh Kim Long, Nguyễn Minh Cang, Vũ Huy Dũng, **Nguyễn Minh Đức**, Nghiên cứu định lượng đồng thời các saponin chính trong viên nang mềm Sâm Việt Nam bằng phương pháp HPLC-CAD, *Y học TP. Hồ Chí Minh*, Tập 23, Số 2 (2019), tr. 234 – 241 (2019).

128. Trần Thị Thu Vân, Nguyễn Đức Hạnh, Đỗ Quang Dượng, **Nguyễn Minh Đức**, Tối ưu hóa điều kiện chiết xuất Sâm Việt Nam, *Y học TP. Hồ Chí Minh*, Tập 23, Số 2, tr. 242 – 248 (2019).

129. Nguyễn Đức Hạnh, Phan Thanh Duy, Đỗ Quang Dương, Lê Thị Thanh Nga, Huỳnh Tấn Quốc, Nguyễn Phương Nam, **Nguyễn Minh Đức**, Nghiên cứu bào chế viên nén từ cao phun sấy Dâm dương hoắc và cao phun sấy Mật nhân, *Y học TP. Hồ Chí Minh*, Tập 23, Số 6, tr. 19–28 (2019).

130. Nguyễn Lê Thanh Tuyền, Vũ Huỳnh Kim Long, Lê Thị Hồng Vân, **Nguyễn Minh Đức**, Đỗ Thị Hồng Tươi, Khảo sát tác động bảo vệ thận của Sâm Việt Nam (*Panax vietnamensis* Ha et Grushv., Araliaceae) trên chuột nhắt gây tổn thương thận bằng cyclosporin A, *Tạp chí Dược học*, số 526, tr. 64-57 (2020).

Bài báo quốc tế

1. **N. M. Duc**, N. T. Nham, R. Kasai, A. Ito, K. Yamasaki and O. Tanaka, Saponins from Vietnamese ginseng, *Panax vietnamensis* Ha et Grushv., collected in Central Vietnam. I., *Chem. Pharm. Bull.*; **41**, 2010 (1993). IF: 1.405.
2. **N. M. Duc**, R. Kasai, K. Ohtani, A. Ito, N. T. Nham, K. Yamasaki and O. Tanaka, Saponins from Vietnamese ginseng, *Panax vietnamensis* Ha et Grushv., collected in Central Vietnam. II., *Chem. Pharm. Bull.*; **42**, 115 (1994). IF: 1.405.
3. **N. M. Duc**, R. Kasai, K. Ohtani, A. Ito, N. T. Nham, K. Yamasaki and O. Tanaka, Saponins from Vietnamese ginseng, *Panax vietnamensis* Ha et Grushv., collected in Central Vietnam. III., *Chem. Pharm. Bull.*; **42**, 634 (1994). IF: 1.405.
4. N. T. Nham, P. V. De, T. C. Luan, **N. M. Duc**, S. Shibata, O. Tanaka and R. Kasai, Pharmacognostical and chemical studies on Vietnamese ginseng, *Panax vietnamensis* Ha et Grushv. (Araliaceae), *J. Jpn. Bot.*, **70**, 1 (1995).
5. C. Maeda, K. Ohtani, R. Kasai, K. Yamasaki, **N. M. Duc**, N. T. Nham and N. K. Q. Cu, Oleanane and ursane glycosides from *Schefflera octophylla*, *Phytochemistry*, **37**, 1137 (1994), ISSN 0031-9422; IF 3.050.
6. A. Ito, R. Kasai, K. Yamasajki, **N. M. Duc** and N. T. Nham, Lignan glycosides from bark of *Albizzia myriophylla*, *Phytochemistry*, **37**, 1455 (1994). ISSN 0031-9422; IF 3.050.
7. A. Ito, R. Kasai, **N. M. Duc**, K. Ohtani, N. T. Nham and K. Yamasaki, Alkaloids from bark of *Albizzia myriophylla*, *Chem. Pharm. Bull.*, **42**, 1966 (1994). IF: 1.405.
8. N. T. T. Huong, K. Matsumoto, K. Yamasaki, **N. M. Duc**, N. T. Nham and H. Watanabe, Crude saponins extracted from Vietnamese ginseng and its major constituent Majonoside-R2 attenuate the psychological stress- and foot-shock stress-induced antinociception in mice, *Pharmacol. Biochem. Behav.*, **52**, 427 (1995). IF: 2.781.
9. N. T. T. Huong, K. Matsumoto, K. Yamasaki, **N. M. Duc**, N. T. Nham and H. Watanabe, Effects of majonoside-R2 on pentobarbital sleep and gastric lesion in psychologically stressed mice, *Pharmacol. Biochem. Behav.*, **53**, 957 (1996). IF: 2.781.
10. N. T. T. Huong, K. Matsumoto, K. Yamasaki, **N. M. Duc**, N. T. Nham and H. Watanabe, Effects of Vietnamese ginseng on opioid antagonist- and conditioned fear stress-induced antinociception, *Phytomedicine*, **3**, 33 (1996). IF 4.18

11. N. T. T. Huong, K. Matsumoto, K. Yamasaki, **N. M. Duc**, N. T. Nham and H. Watanabe, The possible involvement of GABA-A systems in the anti-narcotic effect of majonoside-R2, a major constituent of Vietnamese ginseng, *Jpn. J. Pharmacol.*, **71**, 345 (1996). IF: 1.80.
12. N. T. T. Huong, K. Matsumoto, K. Yamasaki, **N. M. Duc**, N. T. Nham and H. Watanabe, Majonoside-R2, a major constituent of Vietnamese ginseng, attenuates opioid-induced antinociception, *Pharmacol. Biochem. Behav.*, **57**, 285 (1997). IF: 2.781.
13. N. T. T. Huong, K. Matsumoto, N. T. Nham, N. H. Quang, **N. M. Duc**, K. Yamasaki and H. Watanabe, Effect of Vietnamese ginseng on the phagocytosis in vitro and in vivo, *Phytomedicine*, **4**, 341 (1997). IF: 4.18.
14. T. Kaneko, K. Ohtani, R. Kasai, K. Yamasaki and **N. M. Duc**, Iridoids and iridoids glucosides from fruits of *Crescentia cujete*, *Phytochemistry*, **46**, 907 (1997). ISSN 0031-9422; IF 3.050.
15. T. Kaneko, K. Ohtani, R. Kasai, K. Yamasaki and **N. M. Duc**, Alkyl glycosides and p-hydroxybenzoyloxy glucose from fruits of *Crescentia cujete*, *Phytochemistry*, **47**, 259(1998). ISSN 0031-9422; IF 3.050.
16. T. Konoshima, M. Takasaki, H. Tokuda, H. Nishino, **N. M. Duc**, R. Kasai, and K. Yamasaki, Anti-tumor promoting activity of majonoside-R2 from Vietnamese ginseng, *Panax vietnamensis* Ha et Grushv., *Biol. Pharm. Bull.*, **24**, 834 (1998). IF: 1.54.
17. T. Konoshima, M. Takasaki, E. Ichiishi, T. Murakami, H. Tokuda, H. Nishino, **N. M. Duc**, R. Kasai, and K. Yamasaki, Cancer chemopreventive activity of majonoside-R2 from Vietnamese ginseng, *Panax vietnamensis*, *Cancer Letters*, **147**, 11-16(1999). IF: 6.491.
18. N. T. Dung, P.H. Villard, A. Barlatier, A. E. Elsis, E. Jouve, **N. M. Duc**, C. Sauze, A. B. Lacarelle, *Panax vietnamensis* protects mice against carbon-tetrachloride-induced hepatotoxicity without any modification of CYP2E1 gene expression, *Planta Medica*, **66** (2000), 714-719. IF: 2.74
19. V. Dinh, H. P. Zhang, G.Hu Bao, **M. D. Nguyen**, V. T. Nguyen, and G.W. Qin, A new geranyl flavanone from *Macaranga triloba*, *Journal of Asian Natural Products Research*, **1-2**, 155 (2006); ISSN 1028-602, IF 0.948.
20. Le-Thu T. Nguyen, Matej Barbic, Hieu T. Nguyen, Gabi Brunner, Jorg Heilmann, Hung D. Pham, **Duc M. Nguyen**, Lien-Hoa D. Nguyen, Polyisoprenylated acylphloroglucinols and a polyisoprenylated tetracyclic xanthone from the bark of *Calophyllum thorelii*, *Tetrahedron Letters*, 53(34), pp. 4487-4493 (2012). ISSN 0040-4039; IF 2.376.
21. Le-Thu Thi Nguyen, **Duc Minh Nguyen**, Lien-Hoa Dieu Nguyen, new xanthone from the bark of *Calophyllum thorelii*, *Natural Product Research*, Vol. 27, **6**, pp 563-567 (2013); IF: 1.999
22. Hong Van Le Thi, Seo Young Lee, Tae Ryong Kim², Jae Young Kim, Sung Won Kwon, Ngoc Khoi Nguyen, Jeong Hill Park, and **Minh Duc Nguyen**, Processed Vietnamese ginseng – Preliminary results in chemistry and biological activity, *Journal of Ginseng Research*, 38, pp. 154-159 (2014). IF: 4.029.

23. Thi Hong Van Le, Seo Young Lee, Gwang Jin Lee, Ngoc Khoi Nguyen, Jeong Hill Park, **Minh Duc Nguyen**, “Effects of steaming on saponin compositions and anti-proliferative activity of Vietnamese ginseng”, *Journal of Ginseng Research*, 07/2015; 39(3). IF:4.029.
24. Thi Hong Van Le, Gwang Jin Lee, Huynh Kim Long Vu, Ngoc Khoi Nguyen, Jeong Hill Park and **Minh Duc Nguyen**, “Ginseng saponins in different parts of *Panax vietnamensis*”. *Chem. Pharm. Bull.*, 63, 950-954 (2015). IF: 1.405.
25. San-Yun Lee, Jin-Ju Jeong, Thi Hong Van Le, Su-Hyeon Eun, **Minh Duc Nguyen**, Jeong Hill Park, Dong-Hyun Kim, “Ocotillol, a majonoside R2 metabolite, ameliorates 2,4,6-trinitrobenzenesulfonic acid-induced colitis in mice by restoring the imbalance of Th17/Treg cells”, *Journal of Agricultural and Food Chemistry* 07/2015; DOI:10.1021/acs.jafc.5b02183. IF=2.912.
26. Jin-Ju Jeong, Thi Hong Van Le, San-Yun Lee, Su-Hyeon Eun, **Minh Duc Nguyen**, Jeong Hill Park, Dong-Hyun Kim “Anti-inflammatory effects of vinal-ginsenoside R2 and majonoside R2 isolated from *Panax vietnamensis* and their metabolites in lipopolysaccharide-stimulated macrophages”, *International Immunopharmacology* 09/2015; 28(1):700-706. DOI:10.1016/j.intim.2015.07.025. IF=2.472
27. Huy Truong Nguyen, Dong-Kyu Lee, Won Jun Lee, GwangJin Lee, Sang Jun Yoon, Byong-kyu Shin, **Minh Duc Nguyen**, Jeong Hill Park, Jeongmi Lee, Sung Won Kw, “UPLC-QTOFMS based metabolomics followed by stepwise partial least square-discriminant analysis (PLS-DA) explore the possible relation between the variations in secondary metabolites and the phylogenetic divergences of the genus *Panax*”, *Journal of Chromatography B*, 01/2016, 1012–1013: 61-68, DOI:10.1016/j.jchromb.2016.01.002. IF=2.729.
28. Le-Thu T. Nguyen, Ngan TDDT Lai, Ly TT Nguyen, Hieu T. Nguyen, **Duc M. Nguyen**, Lien-Hoa D. Nguyen, “Thoreliolides A and B, two polyisoprenylated benzoylphloroglucinol derivatives with a new carbon skeleton from the fruits of *Calophyllum thorelii*”, *Tetrahedron Letters* 05 (25), 2737-2741 (2016) DOI: 10.2016/j.tetlet.2016.05.021. IF=2,379.
29. Irene Joy I. dela Peña, Hee Jin Kim, Chrislean Jun Botanas, June Bryan de la Pena, Thi Hong Van Le, **Minh Duc Nguyen**, Jeong Hill Park, Jae Hoon Cheong, “The psychopharmacological activities of Vietnamese ginseng in mice: Characterization of its psychomotor, sedative-hypnotic, antistress, anxiolytic, and cognitive effects”, *Journal of Ginseng Research*, Vol 41, 2 (2017), 201-208. IF: 4.029
30. Xuan-Hao Bui, Phu Hoang Dang, Tuan Trong Vo, Nhi Y Thi Nguyen, **Minh Duc Nguyen** & Quan Le Tran, “A new cardenolide glycoside from the roots of *Streptocaulon juvenas* (Lour.) Merr. – (Asclepiadaceae)”, *Natural Products Research*, June 30, 2019. IF: 1.999 DOI: 10.1080/14786419.2019.1641806.
31. Dahae Lee, Hemin Lee, Kim Long Vu-Huynh, Thi Hong Van Le, Thi Hong Tuoi Do, Gwi Seo Hwang, Joeng Hill Park, Ki Sung Kang, **Minh Duc Nguyen** and Noriko Yamabe, “Protective effects of panaxynol isolated from *Panax vietnamensis* against cisplatin-induced renal damage: In vitro and in vivo studies”, *Biomolecules*, 2019, 9(12), 890; IF: 4.694 <https://doi.org/10.3390/biom9120890>

32. Kim Long Vu-Huynh, Thi Hong Van Le, Huy Truong Nguyen, Hyung Min Kim, Ki Sung Kang, Jeong Hill Park and **Minh Duc Nguyen**, *Molecules*, 2019, 24(24), 4627; IF: 3.06
<https://doi.org/10.3390/molecules24244627>

33. Hien Minh Nguyen, Huy Truong Nguyen, Nwet Nwet Win, Wong Chin Piow, Kim Long Vu Huynh, Nhat Nam Hoang, Kiep Minh Do, Nguyen Thi Hoai, Ho Viet Duc, **Minh Duc Nguyen** and Hiroyuki Morita (2020). *Chemistry & Biodiversity*,
<https://doi.org/10.1002/cbdv.202000037>. IF: 1.19

3.2. Giải thưởng về nghiên cứu khoa học trong và ngoài nước (nếu có):

- (1) Giải thưởng quốc gia VIFOTEC (Giải khuyến khích, 2010) cho đề tài “Nghiên cứu bào chế và nâng cao tiêu chuẩn chất lượng cao dược liệu chiết xuất công nghiệp để phục vụ sản xuất thuốc và xuất khẩu”.
- (2) Giải Nhất Hội thi sáng tạo Kỹ thuật TP. Hồ Chí Minh (2011) với đề tài “Nghiên cứu bào chế và nâng cao tiêu chuẩn chất lượng cao dược liệu chiết xuất công nghiệp để phục vụ sản xuất thuốc và xuất khẩu”.
- (3) Giải Khuyến khích Hội thi sáng tạo Kỹ thuật TP. Hồ Chí Minh (2017) với đề tài “Phân lập và thiết lập một số chất chuẩn, ứng dụng vào công tác kiểm nghiệm dược liệu”.
- (4) Các đề tài hướng dẫn SV đạt giải thưởng EUREKA (TP. Hồ Chí Minh) các năm.

3.3. Các thông tin về chỉ số định danh ORCID, hồ sơ Google scholar, H-index, số lượt trích dẫn (nếu có):

- Link tra cứu Google scholar:

https://scholar.google.com/citations?hl=en&user=uHOewwAAAAJ&sortby=pubdate&view_op=list_works&authuser=3&gmla=AJN-F7uvI0waV_vqLPqENHgiaSSIEOoqurg_UAv-jGJMTHddspeUKQREEw_fzNn45P_iquJSyT0X2y20-3aABnLCC-LqpJfG6kRO3QKI5EVHvFzI46I6N4

- Số lượt trích dẫn (citations): 549

- H-index: 13

- i10-index: 15

3.4. Ngoại ngữ

- Ngoại ngữ thành thạo phục vụ công tác chuyên môn: Anh

- Mức độ giao tiếp bằng tiếng Anh: Thông thạo

Tôi xin cam đoan những điều khai trên là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 5 năm 2020

NGƯỜI KHAI



GS. TS. NGUYỄN MINH ĐỨC

